

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PRÔNG
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 30/7/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khả Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Chự;

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Đức Quang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Nhất Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số: 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Anh T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Võ Thị H, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Trần Anh T trình bày: anh và chị Võ Thị H qua tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/02/2018. Bước đầu sống chung hạnh phúc tại thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Nghệ An. Từ đầu năm 2022 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau, cho đến đầu năm 2023 do thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân này được nữa, nên Chị H đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai sinh sống, hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết

cho anh được ly hôn. Về con chung: Anh và chị Võ Thị H có 02 (Hai) con chung tên là: Trần Ngọc Gia H1, sinh ngày 21/12/2018 và Trần Gia H2, sinh ngày 14/10/2021, Hiện tại cả hai con đang do chị H nuôi dưỡng, ly hôn anh đồng ý để cả hai con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Anh Trần Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Bị đơn chị Võ Thị H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Võ Thị H không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Anh T, chị H cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Prông tham gia phiên tòa – Bà Trần Thị Nhất L có ý kiến phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các đương sự, chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Thành phần Hội đồng xét xử: Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đều có mặt đầy đủ theo đúng thành phần, không có sự thay đổi thành phần của Hội đồng xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với các đương sự:

Nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Anh T và xử ly hôn giữa anh Trần Anh T và chị Võ Thị H. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 (hai) con chung tên là Trần Ngọc Gia H1, sinh ngày 21/12/2018 và Trần Gia H2, sinh ngày 14/10/2021 cho chị Võ Thị H tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Trần Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở; Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn là anh Trần Anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Anh T khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai giải quyết cho ly hôn với chị Võ Thị H, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Chị Võ Thị H có nơi cư trú tại Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Chị Võ Thị H vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ cho chị Võ Thị H lần thứ 1 nhưng chị H vắng mặt không có lý do. Tòa án có quyết định hoãn phiên Tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ chị Võ Thị H lần thứ 2, nhưng chị H vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh Trần Anh T và chị Võ Thị H có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/02/2018 là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Trần Anh T Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa anh Trần Anh T và chị Võ Thị H có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng không có ý chí phấn đấu để xây dựng hạnh phúc gia đình, bởi vậy đời sống chung của hai vợ chồng không được kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Trần Anh T xin ly hôn là có căn cứ, do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Trần Anh T và chị Võ Thị H có 02 (hai) con chung tên là: Trần Ngọc Gia H1, sinh ngày 21/12/2018 và Trần Gia H2, sinh ngày 14/10/2021, Hiện tại cả hai con đang do chị Võ Thị H nuôi dưỡng, từ khi sống ly thân với anh T cho đến nay cháu Trần Ngọc Gia H1 và cháu Trần Gia H2 được chị H nuôi dưỡng trực tiếp, trong thời gian qua hai cháu có cuộc sống tốt, phát triển bình thường và anh Trần Anh T có nguyện vọng tiếp tục giao cả hai con là Trần Ngọc Gia H1 và cháu Trần Gia H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vậy căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao cho chị Võ Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp.

Anh Trần Anh T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn là anh Trần Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong việc giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; Điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Anh T.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử lý hôn giữa anh Trần Anh T và chị Võ Thị H.
2. *Về nuôi con*: Giao con chung tên là Trần Ngọc Gia H1, sinh ngày 21/12/2018 và Trần Gia H2, sinh ngày 14/10/2021 cho chị Võ Thị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản chung và các khoản nợ chung*: Anh Trần Anh T không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm:* Nguyên đơn anh Trần Anh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006744, ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. anh Trần Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Prông;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Khả Thế